

Số: 667/BC-UBND

Tân Thạnh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023
của UBND xã Tân Thạnh

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Để cụ thể hóa Kế hoạch cải cách hành chính của UBND thị xã Tân Châu năm 2023; UBND xã Tân Thạnh xây dựng và ban hành Kế hoạch Số 40/KH-UBND, ngày 09 tháng 01 năm 2023, về thực hiện cải cách hành chính xã Tân Thạnh năm 2023. Trọng tâm cải cách hành chính năm 2023 là tiếp tục thực hiện quyết liệt cải cách thể chế và thủ tục hành chính; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong năm 2023, công tác CCHC trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm thực hiện. UBND xã đã cụ thể hóa kịp thời các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện của địa phương, tổ chức triển khai các luật và các văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Để công tác chỉ đạo điều hành công tác CCHC năm 2023 đạt hiệu quả cao hơn, ngoài việc triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của xã, UBND xã đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai một số nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả chương trình CCHC của địa phương như: Triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ mức độ 3,4 năm 2023, Chỉ đạo thực hiện một số nội dung trong ứng dụng công nghệ thông tin gắn với công tác cải cách hành chính năm 2023. Rà soát việc niêm yết TTHC trên bảng niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã. Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước và phát triển chính quyền số năm 2023. Tiếp tục triển khai kế hoạch Truyền thông về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn xã Tân Thạnh. Tiếp tục triển khai rà soát các thủ tục hành chính, đồng thời thực hiện đảm bảo quy trình tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Duy trì họp Bộ phận Một cửa định kỳ hàng tháng để đánh giá việc tiếp nhận và trả kết quả, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức có liên quan, kịp thời

khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại trong công tác CCHC tại địa phương.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về sử dụng các tiện ích trên cổng dịch vụ công quốc gia trên cổng thông tin điện tử xã, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân tra cứu thực hiện các thủ tục hành chính.

Tuyên truyền, vận động công dân nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính TTHC, dịch vụ bưu chính công ích.

Công tác tuyên truyền CCHC được thực hiện bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trực tiếp thông qua giải quyết thủ tục hành chính, tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh, tại các cuộc họp, hội nghị, ... nhằm giúp Nhân dân nắm bắt các quy trình tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện, giải quyết công việc của công dân, đồng thời giúp CBCC cơ quan nắm bắt các nội dung công tác CCHC để tham mưu thực hiện có hiệu quả CCHC tại địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành kế hoạch về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2023. Tính đến nay, UBND xã chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chỉ ban hành các văn bản hành chính thông thường.

Triển khai nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn xã đảm bảo đúng quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục phân công công chức Văn phòng - Thống kê làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính chủ trì, phối hợp với các công chức chuyên môn thường xuyên rà soát các thủ tục, các danh mục thủ tục hành chính và kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Thực hiện rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 đối với lĩnh vực Đất đai gửi UBND thị xã theo dõi, tổng hợp.

Thường xuyên cập nhật các quyết định của UBND tỉnh về công bố danh mục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để niêm yết công khai tại bộ phận Một cửa. Duy trì công khai đầy đủ số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đứng đầu cơ quan và cán bộ được phân công tiếp nhận phản ánh, kiến nghị. Trong 6 tháng đầu năm năm 2023, không có đơn, thư, phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, thủ tục hành chính gửi đến UBND xã.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã:

Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận từ ngày 01.12.2022 đến ngày 05/06/2023 là **1.664** hồ sơ, liên quan đến các lĩnh vực chứng thực, hộ tịch, xây dựng, địa chính...(có bảng phụ lục kèm theo).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

UBND xã thực hiện niêm yết công khai, minh bạch các quy trình, biểu mẫu, thủ tục hành chính; nội quy làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; công khai số điện thoại đường dây nóng theo quy định.

Hình thức công khai, niêm yết: Thực hiện niêm yết trên bảng niêm yết thủ tục hành chính; công khai thông tin đường dây nóng: Niêm yết trên bảng niêm yết tại bộ phận một cửa.

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp : Bộ phận một cửa được UBND xã trang bị máy móc thiết bị mới gồm 05 bộ máy vi tính và 01 máy Scan văn bản nên phục vụ cho công tác đạt hiệu quả cao trong công tác giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Ngoài ra còn trang bị riêng 01 01 máy photo ccopy, 01 máy lạnh.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

Tính đến 05/06/2023 được 1.031 hồ sơ, trả đúng hạn 1.031 hồ sơ.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại UBND xã

Tính đến 05/06/2023, số hồ sơ yêu cầu giải quyết các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực 1.664 hồ sơ, trong đó có 1.031 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, chiếm tỷ lệ 61,96%, Số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 1.664 hồ sơ, đạt 100% (không có hồ sơ giải quyết quá hạn), cụ thể như sau:

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

Đến nay, xã Tân Thạnh không nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân và doanh nghiệp liên quan đến quy định TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

Công tác cải cách thủ tục hành chính của cơ quan được tổ chức thực hiện theo cơ chế một cửa, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, phân công cán bộ tiếp nhận hồ sơ, hàng ngày trong giờ hành chính, đều trả kết quả nhanh, đúng hạn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi đến cơ quan liên hệ các thủ tục hành chính tại địa phương không mất thời gian đi lại nhiều lần.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Tiếp tục sử dụng và bố trí các cán bộ, công chức đảm nhiệm các công việc phù hợp với chuyên môn. Thực hiện và giải quyết các chế độ, chính sách khác cho cán bộ, công chức đúng theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

Hiện nay công tác sắp xếp công chức của xã được thực hiện đảm bảo theo yêu cầu vị trí việc làm. Tiếp tục sử dụng và bố trí các cán bộ, công chức đảm nhiệm các công việc phù hợp với chuyên môn.

Số lượng cán bộ công chức của xã hiện có mặt là 19 người, người hoạt động không chuyên trách 12 người, Trưởng, phó ấp 12 người, Công an viên 10 người, chiến sĩ BCHQS xã 09 người.

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC năm 2023 của UBND thị xã Tân Châu, UBND xã xây dựng và ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2023 nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCC cơ quan. Tạo điều kiện thuận lợi cho CBCC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm hiện nay.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện theo đúng Luật ngân sách và cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP. UBND xã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan trong đó quy định rõ những khoản chi cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và theo quy định của cấp trên. Tham mưu HĐND xã phân bổ khoản kinh phí cho các đơn vị. Thực hiện quyết toán ngân sách năm 2022 đảm bảo đúng theo luật ngân sách.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của cơ quan, đơn vị, địa phương. Thực hiện tốt việc tiếp nhận và quản lý văn bản đi, đến qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng, không gửi văn bản giấy theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 02/07/2015 của UBND tỉnh.

- Tỷ lệ lãnh đạo đơn vị thực hiện giải quyết văn bản trên môi trường mạng đạt 100%.

- Việc thực hiện nhập hồ sơ quản lý cán bộ, công chức trên phần mềm: Tổng số hồ sơ được nhập trên phần mềm QLCB là 19 hồ sơ gồm Cán bộ chuyên trách và công chức.

7. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Tiếp tục triển khai duy trì và cải tiến Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh xây dựng Mục tiêu chất lượng của UBND xã năm 2023, Chính sách chất lượng năm 2023. Xây dựng Kế hoạch duy trì và cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính tại địa phương được chú trọng; Hoạt động tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được thực hiện có hiệu quả, tạo điều kiện để giải quyết công việc của người dân thuận lợi, nhanh chóng. Hạn chế được thái độ nhũng nhiễu, quan liêu của cán bộ, công chức khi tiếp nhận giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức và công dân; Nâng cao được tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức.

Hồ sơ của công dân được giải quyết kịp thời, đúng hạn, không để hồ sơ trễ hạn trên phần mềm.

2. Những khó khăn, hạn chế

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 còn ít, đa số người dân chưa có tài khoản dịch vụ công, chưa quen với việc nộp hồ sơ trên môi trường mạng...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

Tiếp tục nâng cao hiệu quả làm việc của Bộ phận Một cửa, thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo đúng thời gian quy định.

Tiếp tục cập nhật, rà soát, niêm yết các thủ tục hành chính mới công bố, bãi bỏ trên các lĩnh vực quản lý.

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao kết quả công tác CCHC tại địa phương, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính TTHC và trả hồ sơ qua bưu chính công ích.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Cần tăng cường tập huấn cho CBCC phụ trách công tác thu phí, lệ phí trực tuyến.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho công chức phụ trách CCHC xã vì hiện nay khối lượng công việc tương đối nhiều.

- Thường xuyên mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, triển khai ứng dụng phần mềm mới, khoa học quản lý cho CBCC tại " Bộ phận một cửa" để cơ chế " Một cửa" và Chương trình CCHC nhà nước tại địa phương thực sự đem lại hiệu quả cao.

Trên đây là báo cáo tình hình cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 của UBND xã Tân Thạnh./.

Nơi nhận:

- Phòng nội vụ;
- Đảng uỷ - HĐND xã;
- Các Ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Dương Văn Cảnh

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, Công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	01		
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%			
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07		
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	02		
3.	Kiểm tra CCHC				Phòng Nội vụ báo cáo
3.1.	Số phòng ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc thị xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.2.	Số UBND xã, phường đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị			
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%			
3.3.1.	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề			
3.3.2.	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề			
4.	Thực hiện nhiệm vụ tỉnh/thị xã giao				Văn phòng HĐND và UBND thị xã báo cáo
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ			
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ			
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ			

4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ			
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức				Phòng Nội vụ báo cáo
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng			
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2			
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		Số lần tổ chức đối thoại là ...	Văn phòng HĐND và UBND thị xã báo cáo

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỂ CHẾ
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cải cách thể chế			
1.1.	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản		
Trong đó	Số Nghị quyết của HĐND huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Quyết định của UBND cấp huyện được ban hành	Văn bản		
	Số Nghị quyết của HĐND xã được ban hành	Văn bản		
	Số Quyết định của UBND cấp xã được ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
1.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
1.4.	Số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
1.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

Phụ lục 3
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Thống kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục			
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục			
1.4.1	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục			
1.4.2	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục			
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	69		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục			
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục			
3.	Kết quả giải quyết TTHC		1.664		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	1.664		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ			

3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	1.664		
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	1.664 (gồm chứng thực bản sao là 685)		
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	1.664		
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%			
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN			
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN			

Phụ lục 4
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số lượng		
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1.	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%			
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị			
1.2.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị			
1.2.2.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%			
2.	Số liệu về biên chế công chức/ số lượng cbcc				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	21		
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19		
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người			
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0,91		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người			
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người			
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người			
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			

Phụ lục 5
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Phụ lục 6
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
1.1.	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị	8	
1.2.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
1.3.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
1.4.	Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	7	
1.4.1.	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	7	
1.4.2.	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
1.4.3.	<i>Số ĐVSN trực thuộc tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
1.5.	Số ĐVSN trực thuộc do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
1.6.	Số lượng ĐVSN trực thuộc đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Phụ lục 7
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ
(Kèm theo Công văn số 69/PNV ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Phòng Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Triển khai các Kế hoạch Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	Triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện</i>	%		
3.1.2.	<i>Tỷ lệ các cơ quan ngành dọc đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện</i>	%		
3.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND cấp huyện</i>	%		
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
3.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
3.3.1.	<i>Đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</i>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
3.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</i>	%		
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			

4.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
4.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục		
4.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	Thủ tục		
4.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	Thủ tục		
4.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
4.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	Thủ tục		
4.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	Thủ tục		
4.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	Thủ tục		
4.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC tỉnh.	%		
4.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị</i>	Thủ tục		
4.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC tỉnh</i>	Thủ tục		
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%		
4.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	Hồ sơ	1.664 (gồm chứng thực bản sao là 685)	
4.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	Hồ sơ	1.031	